



# 5

## NHÀ TRẦN (1226 – 1400)

Nhà Trần phát huy truyền thống Đông A, ba lần đánh thắng quân Mông – Nguyên, lập nên những trang sử vẻ vang trong lịch sử dân tộc, đồng thời phát triển kinh tế, văn hóa, mở mang bờ cõi. Từ nửa sau thế kỷ XIV, quý tộc nhà Trần suy thoái, xã hội Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng, dẫn đến sự ra đời của một vương triều mới.

# NHÀ TRẦN

“Xã tắc hai phen bon ngựa đá,  
Non sông thiên cổ vững âu vàng.”

TRÍCH BÀI THƠ **TỨC SỰ** CỦA VUA **TRẦN NHÂN TÔNG**,  
**TRẦN TRỌNG KIM, VIỆT NAM SỬ LƯỢC**, NXB. VĂN HỌC, HÀ NỘI, 2020, TRANG 180

Năm 1226 – 1277		Năm 1278 – 1306		Năm 1307 – 1343		Năm 1344 – 1372		Năm 1373 – 1388		Năm 1389 – 1400	
<p><b>Đầu năm 1226</b> Lý Chiêu Hoàng, nữ vương cuối cùng của nhà Lý, bị ép nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh, tức Trần Thái Tông.</p> <p><b>Năm 1247</b> Sửa đổi quy định về việc thi cử, định ra Trạng nguyên, Bảng nhãn, Thám hoa.</p>  <p>» Ấm men ngọc</p>	<p><b>Năm 1278</b> Thái tử Khâm lên ngôi, tức Trần Nhân Tông. Trần Thánh Tông làm Thái Thượng hoàng.</p>	<p><b>Năm 1293</b> Thái tử Thuyên lên ngôi, tức Trần Anh Tông. Trần Nhân Tông làm Thái Thượng hoàng.</p>	<p><b>Năm 1308</b> Thượng hoàng Trần Nhân Tông mất.</p>	<p><b>Năm 1328</b> Văn Hiến hầu hãm hại Trần Quốc Chấn. Quốc Chấn bị bức tử.</p>	<p><b>Năm 1344</b> Triều đình đặt 20 độ Phong đoàn ở các lộ để bắt giặc cướp, đặt thêm chức quan Đồn điển sứ và phó sứ ở ty Khuyến nông để phát triển nông nghiệp.</p>	<p><b>Năm 1361</b> Quân Champa lần cướp ở phủ Lâm Bình, bị đánh dẹp.</p>  <p>» Thạp hoa nâu</p>	<p><b>Năm 1374</b> Xướng chiếu lệnh cho quân và dân không được mặc áo, chải đầu theo kiểu người phương Bắc, không được bắt chước tiếng nói người Champa, Ai Lao.</p>	<p><b>Năm 1381</b> Trần Phế đế huy động cả sư sãi đi đánh Champa.</p>  <p>» Tượng Phật</p>	<p><b>Năm 1389</b> Dân chứng nhiều nơi nổi loạn.</p>	<p><b>Năm 1396</b> Các sư chưa đến 50 tuổi bị bắt hoàn tục.</p> <p>Phát hành tiền giấy Thông bảo hội sao.</p>	
<p><b>Đầu năm 1226</b> Trần Thái Tông phong Trần Thủ Độ làm Thái sư. Giáng Lý Huệ Tông, vua cha Lý Chiêu Hoàng, làm Huệ Quang Đại sư.</p>  <p>« Tượng Trần Thủ Độ</p>	<p><b>Năm 1251</b> Trần Quốc Tuấn kết hôn cùng Thiên Thành Công chúa.</p>	<p><b>Năm 1280</b> Trịnh Giác Mật ở Đà Giang làm phản, bị Trần Nhật Duật chiêu hàng.</p>	<p><b>Năm 1294</b> Chiêu Minh vương Trần Quang Khải mất.</p>  <p>» Chuông Văn Bản</p>	<p><b>Năm 1311</b> Vua Trần Anh Tông mang quân đánh Champa.</p>	<p><b>Năm 1329</b> Thái tử Vương lên ngôi, tức Trần Hiến Tông. Trần Minh Tông làm Thái Thượng hoàng.</p> <p>Quần Man Ngưu Hồng làm phản, Thượng hoàng Minh Tông đem quân đánh.</p>  <p>» Tước</p>	<p><b>Năm 1345</b> Triều đình xuống chiếu xét lại tội các tù phạm, giảm nhẹ tội.</p>	<p><b>Năm 1362</b> Đời lớn. Triều đình ban chiếu cho các nhà giàu quyên thóc, phát chẩn cho dân.</p>	<p><b>Năm 1376</b> Trần Duệ Tông thân chinh đi đánh dẹp Champa.</p>	<p><b>Năm 1382</b> Quân Champa vào cướp Thanh Hóa, tướng Nguyễn Đa Phương đánh dẹp.</p>	<p><b>Cuối năm 1389</b> Champa vào cướp Thanh Hóa. Quý Ly đem quân đánh, thua bỏ chạy về.</p>	<p><b>Năm 1397</b> Quý Ly sai người dựng kinh đô mới ở Thanh Hóa (gọi là Tây Đô, nay ở Thành nhà Hồ, Vĩnh Lộc, Thanh Hóa), bắt ép vua dời kinh.</p>
<p><b>Mùa thu năm 1226</b> Lý Huệ Tông bị Trần Thủ Độ bức tử.</p> <p>Trần Thủ Độ lấy Trần thị, vợ của Lý Huệ Tông và là mẹ của Lý Chiêu Hoàng.</p>	<p><b>Đầu năm 1258</b> Quần Mông Cổ sang xâm lược, bị quân dân nhà Trần đánh bại.</p>	<p><b>Cuối năm 1282</b> Tổ chức Hội nghị Bình Than bàn kế sách chống quân Nguyên.</p>  <p>« Ấu có nắp</p>	<p><b>Năm 1297</b> Ai Lao chiếm giữ sông Chàng Long, Phạm Ngũ Lão được cử đi dẹp loạn.</p>	<p><b>Năm 1314</b> Thái tử Mạnh lên ngôi, tức Trần Minh Tông. Trần Anh Tông làm Thái Thượng hoàng.</p>	<p><b>Năm 1330</b> Chiêu Văn Đại vương Trần Nhật Duật mất.</p>	<p><b>Năm 1346</b> Ai Lao đem quân cướp ngoài biên giới, bị đánh dẹp.</p>	<p><b>Năm 1366</b> Quân Champa lại vào cướp phủ Lâm Bình, bị quan phủ đánh bại.</p>  <p>« Tiên nữ dâng hoa</p>	<p><b>Năm 1383</b> Quân Champa đánh cướp ở Quảng Oai, Nghệ Tông lãnh lên Đông Ngàn.</p>	<p><b>Đầu năm 1390</b> Trần Khắc Chân sai quân bắn chết vua Champa Chế Bồng Nga ở Hải Triều (nay là ngã ba sông Hồng – sông Luộc).</p>	<p><b>Năm 1398</b> Trần Thuận Tông truyền ngôi cho Thái tử An, tức Trần Thiệu đế. Quý Ly tự xưng Đại vương, tiếm quyền.</p>	
<p><b>Năm 1230</b> Ban hành bộ <i>Quốc triều thông chế</i>, quy định về tổ chức chính quyền.</p> <p>Đặt ty Bình bạc, chuyên xét đoán việc kiện tụng.</p>	<p><b>Năm 1258</b> Thái tử Hoàng lên ngôi, tức Trần Thánh Tông. Trần Thái Tông làm Thái Thượng hoàng nhưng vẫn nắm triều chính.</p>	<p><b>Tháng Chạp năm Giáp Thân (1284)</b> Tổ chức Hội nghị Diên Hồng, tập hợp sức mạnh toàn dân chuẩn bị chống quân xâm lược.</p>	<p><b>Năm 1299</b> Thượng hoàng Trần Nhân Tông xuất gia ở núi Yên Tử.</p> <p>Khoa giáo nhà Phật được cho in và ban bố khắp cả nước.</p> 	<p><b>Năm 1335</b> Thượng hoàng Trần Minh Tông dẫn quân đánh Ai Lao, bị thua trận.</p>	<p><b>Năm 1352</b> Chế Mỗ – con vua Champa – bị đuổi chạy sang Đại Việt xin được dung thân.</p>	<p><b>Năm 1369</b> Vua Dụ Tông qua đời, để di chiếu cho Nhật Lễ nối ngôi.</p>  <p>« Mô hình tháp đất nung</p>	<p><b>Đầu năm 1377</b> Trần Duệ Tông trừng kẻ quân Champa, bị tử trận.</p>	<p><b>Năm 1388</b> Trần Phế đế cùng các tướng khác lập mưu giết Lê Quý Ly nhưng thất bại, bị Nghệ Tông giết.</p> <p>Trần Ngung lên nối ngôi, tức Trần Thuận Tông.</p>  <p>« Ấm đồng</p>	<p><b>Năm 1391</b> Quý Ly bày mưu giết Trần Ngạc.</p>	<p><b>Năm 1399</b> Quý Ly sai người giết Trần Thuận Tông.</p>	
<p><b>Năm 1232</b> Tổ chức khoa thi Thái học sinh đầu tiên.</p> <p><b>Năm 1234</b> Thái Tổ Trần Thừa mất.</p>  <p>« Hổ đá ở lăng Trần Thủ Độ</p>	<p><b>Đầu năm 1264</b> Trần Thủ Độ qua đời.</p>  <p>» Tượng Trần Quốc Tuấn</p>	<p><b>Năm 1285</b> Quần Nguyên sang xâm lược Đại Việt, bị đánh bại.</p>	<p><b>Mùa thu năm 1300</b> Hưng Đạo vương Trần Quốc Tuấn mất.</p>	<p><b>Năm 1337</b> Trần Hiến Tông hạ chiếu cho các lộ lập kho tào thương, chẩn cấp phát gạo cho dân đói. Sai quân đánh thuần phục được Ngưu Hồng.</p>	<p><b>Năm 1353</b> Quân Champa đánh cướp Hóa Châu. Trương Hán Siêu dẫn quân đi trấn giữ.</p>	<p><b>Năm 1370</b> Trần Phủ cùng các tông thất khác hợp sức giết Nhật Lễ, rồi lên ngôi, tức Trần Nghệ Tông.</p> <p>Chu Văn An mất.</p>	<p><b>Giữa năm 1377</b> Thượng hoàng Nghệ Tông lập con của Duệ Tông là Hoàng tử Hiện lên ngôi, tức Trần Phế đế.</p> <p>Champa vào cướp kinh đô Thăng Long.</p>  <p>» Đĩa men nâu</p>	<p><b>Đầu năm 1392</b> Trần Nhật Chương lập mưu giết Quý Ly, bị Trần Nghệ Tông giết.</p>	<p><b>Năm 1400</b> Quý Ly truất Trần Thiệu đế làm Bảo Ninh Đại vương, tự lập làm vua.</p> <p><b>Kết thúc triều Trần.</b></p>		
<p><b>Năm 1237</b> Trần Cảnh lập Công chúa Thuận Thiên (chị Lý Chiêu Hoàng) làm hoàng hậu. Khi này, Thuận Thiên đang là vợ của Hoài vương Trần Liễu. Vụ này gây ra bất hòa giữa hai chi hoàng tộc lớn nhất khi đó.</p> 	<p><b>Năm 1272</b> Lê Văn Hưu hoàn thành việc biên soạn sách <i>Đại Việt sử ký</i>.</p>	<p><b>Năm 1287 – 1288</b> Quần Nguyên lại sang xâm lược Đại Việt, bị đánh bại.</p> <p>» Cọc sông Bạch Đằng</p> 	<p><b>Năm 1301</b> Ai Lao đem quân sang cướp bóc. Phạm Ngũ Lão được cử đi dẹp loạn.</p>	<p><b>Năm 1318</b> Trần Minh Tông sai Trần Quốc Chấn đem quân đánh Champa, buộc vua Champa phải chạy trốn.</p> <p><b>Năm 1320</b> Thượng hoàng Trần Anh Tông mất.</p>	<p><b>Năm 1341</b> Vua Hiến Tông qua đời.</p> <p>Hoàng tử Hạo lên ngôi, tức Trần Dụ Tông.</p>	<p><b>Năm 1354</b> Dân chứng đói kém. Giặc cướp nổi dậy ở Lạng Giang và Nam Sách.</p>	<p><b>Năm 1371</b> Mẹ Nhật Lễ xúi giục quân Champa sang đánh Đại Việt. Vua Nghệ Tông lãnh lên Đông Ngàn.</p> <p>Phong Lê Quý Ly (tên của Hồ Quý Ly trước khi lên ngôi vua) làm Khu mật viện đại sứ.</p>	<p><b>Năm 1378</b> Quân Champa lại vào kinh đô cướp bóc.</p> <p>Nhà Trần bắt đầu đánh thuế đinh. Đinh nam bất kể có ruộng hay không đều phải nộp thuế.</p>	<p><b>Cuối năm 1392</b> Ra quy chế định tội quân và dân trốn tránh sai dịch.</p> 		
<p><b>Năm 1277</b> Thượng hoàng Trần Thái Tông mất.</p> <p>« Tượng voi</p>	<p><b>Năm 1290</b> Thượng hoàng Trần Thánh Tông mất.</p>	<p><b>Giữa năm 1306</b> Công chúa Huyền Trân được gả cho vua Champa. Champa dâng hai châu Ô, Lý cho Đại Việt, sau đổi thành Thuận Châu và Hóa Châu.</p> <p>» Đầu đao góc mái</p> 	<p><b>Năm 1326</b> Huệ Túc vương dẫn quân đánh Champa nhưng thất bại.</p>	<p><b>Năm 1343</b> Mất mùa, dân đói kém. Nhiều nơi nổi lên nạn giặc cướp.</p> <p>» Ấm</p> 	<p><b>Năm 1357</b> Thượng hoàng Trần Minh Tông mất.</p>	<p><b>Năm 1372</b> Trần Nghệ Tông nhường ngôi cho Trần Kính, tức Trần Duệ Tông.</p>	<p><b>Năm 1380</b> Quân Champa lần cướp Thanh Hóa, Lê Quý Ly dẫn quân đánh dẹp.</p> <p>» Lá đề lệch trang trí chim phượng</p> 	<p><b>Tháng Chạp năm Giáp Tuất (1394)</b> Trần Nghệ Tông mất.</p> <p>» Đầu phượng</p>			

## TƯỢNG GỖ

Nhiều bức tượng gỗ phủ sơn có giá trị nghệ thuật cao trong các đình, đền, chùa ở Đàng Ngoài vào thế kỷ XVI - XVII còn được bảo tồn đến ngày nay. Chủ đề tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay đặc trưng vào thời nhà Mạc tiếp tục xuất hiện trong thời kỳ này. Các vị Bồ tát và nhân vật đương thời cũng trở thành đề tài sáng tác cho các nghệ nhân.

### ▼ QUAN ÂM NGHÌN MẮT NGHÌN TAY

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Bát Tháp (Bắc Ninh)  
Hiện vật BTMTVN



### ► VÂN THỦ BỒ TÁT

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Đông Dương (Hải Dương)  
Hiện vật BTMTVN



### ► PHỔ HIỂN BỒ TÁT

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Đông Dương (Hải Dương)  
Hiện vật BTMTVN



### ► NGHÊ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Đình Lâu Thượng (Phú Thọ)  
Hiện vật BTMTVN



### ◄ NGHÊ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Đền thờ Lê Thánh Tông (Thanh Hóa)  
Hiện vật BTMTVN



### ▼ PHẬT NHẬP NIẾT BÀN

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Tỉnh Bắc Ninh  
Hiện vật BTMTVN



### ▲ CÔNG CHÚA LÊ THỊ NGỌC DUYÊN

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Bát Tháp (Bắc Ninh)  
Hiện vật BTMTVN



### ◄ QUẬN CÔNG NGUYỄN THẾ MỸ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Đông Dương (Hải Dương)  
Hiện vật BTMTVN



### ► NGỌC NỮ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVI  
Chùa Sớ (Thanh Oai, Hà Nội)  
Hiện vật BTMTVN



### ◄ THỊ GIÁ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Hiện vật BTMTVN



### ► PHỔ DẰNG HƯƠNG

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Đền thờ Lê Thánh Tông (Thanh Hóa)  
Hiện vật BTMTVN

### ◄ PHU NHÂN QUẬN CÔNG NGUYỄN THẾ MỸ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Đông Dương (Hải Dương)  
Hiện vật BTMTVN



### ▲ QUẬN CHÚA TRỊNH THỊ NGỌC CƠ

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Bát Tháp (Bắc Ninh)  
Hiện vật BTMTVN



### ▼ PHU NHÂN YẾN QUẬN CÔNG

Gỗ phủ sơn  
Thế kỷ XVII  
Chùa Sớ (Thanh Oai, Hà Nội)  
Hiện vật BTMTVN



▲ Trích đoạn bức tranh *Châu Ân thuyền Giao Chỉ độ hùng đồ quyền*, vẽ cảnh châu Ân thuyền Nhật Bản đến Đàng Trong.

## CÔNG THƯƠNG PHÁT TRIỂN

Trong thế kỷ XVII và khoảng nửa đầu thế kỷ XVIII, thương nghiệp trở nên phồn thịnh hơn bao giờ hết. Làng buôn, phường buôn và đô thị ngày càng phổ biến và hưng khởi.

Với mong muốn làm giàu và trang bị quân đội vững mạnh, thời gian đầu, chúa Nguyễn ở Đàng Trong và chúa Trịnh ở Đàng Ngoài đều tích cực thúc đẩy giao thương quốc tế. Lúc này, tác động của kỹ nguyên phát kiến bắt nguồn từ châu Âu vào thế kỷ XV đã lan đến khu vực châu Á. Giới thương nhân phương Tây bắt đầu quan tâm nhiều hơn tới tiềm năng kinh tế của các nước vùng Viễn Đông, tạo điều kiện thuận lợi cho ngoại thương Đại Việt bước vào hồi thịnh đạt.

### ĐÀNG TRONG

Vào nửa sau thế kỷ XVI, các thương nhân Bồ Đào Nha, Nhật Bản và Trung Quốc đã thường xuyên đặt chân đến lãnh địa do chúa Tiên Nguyễn Hoàng cai quản, xúc tiến hoạt động buôn bán với người dân trong vùng, song chủ yếu mới chỉ dừng lại ở quy mô nhỏ lẻ. Chính quyền Đàng Trong đẩy mạnh quan hệ ngoại thương với Nhật Bản từ năm 1601, khi chúa Tiên thường xuyên trao đổi thư từ với Mạc phủ Tokugawa nhằm thiết lập mối quan hệ “bạn hàng”, khuyến khích

châu Ân thuyền của người Nhật đến Đàng Trong, thoạt đầu là để buôn bán tơ lụa, sau lại thêm lò hội, trầm hương, mật ong, tiêu, song mây. Tiếp nối đường lối của chúa Tiên, năm 1619, chúa Nguyễn Phúc Nguyên gả con gái cho thương gia Nhật Bản Araki Shotaro để kết mối quan hệ thân thiết trên mức buôn bán thông thường.

Giới thương nhân ngoại quốc khi đến với Đại Việt thường để mắt tới Đàng Trong đầu tiên, bởi vùng đất này chiếm giữ vị trí đắc địa trên trục lộ giao thương đường thủy châu Á, lại giàu tiềm năng nhờ thiên nhiên ưu đãi, sản vật trên rừng dưới biển còn nhiều do chỉ vừa mới được khai phá, với gỗ quý như trắc mật, thai bài, giáng hương keo; dược liệu như long não, xạ hương, mật gấu, hổ cốt, nhung hươu; thủy hải sản như yến sào, hải sâm, đồi mồi, xà cừ, ba ba,... Chúa Nguyễn luôn rộng mở cánh cửa giao thương, tạo điều kiện cho người nước ngoài đến buôn bán và lập thương điểm ở những cảng thị lớn như Hội An, Thanh Hà. Nhà truyền giáo Cristoforo Borri có mặt ở Đàng Trong vào đầu thế kỷ XVII



▲ Phố Nhật tại Hội An thế kỷ XVII, trích đoạn bức tranh *Châu Ân thuyền Giao Chỉ độ hùng đồ quyền*.

khẳng định chúa Nguyễn không đóng cửa trước bất kỳ quốc gia nào. Sự sôi động của thương mại tạo động lực thúc đẩy nông nghiệp và thủ công nghiệp phát triển. Các sản phẩm từ nghề trồng mía đường, dệt lụa, làm gốm, chạm khắc gỗ được người ngoại quốc rất ưa chuộng.

Không chỉ là nơi buôn bán các sản phẩm nội địa, cảng thị ở Đàng Trong còn đóng vai trò như một trạm trung chuyển hàng hóa, xuất đi những mặt hàng đã được nhập về trước đó. Theo nghiên cứu của Li Tana, trên một chiếc thuyền chở hàng từ Đàng Trong đến Nhật Bản vào năm 1641, người ta tìm thấy sản phẩm da đánh xuất xứ từ Xiêm La, long não từ Brunei, sơn từ Chân Lạp, hạt nhục đậu khấu từ Indonesia. Những thuận lợi về địa lý như đường bờ biển dài, cảng biển sâu đã cho phép nhiều tàu cùng cập bến khiến Đàng Trong trở thành trung tâm “chuyển khẩu” hàng hóa quan trọng. Theo Antonio Bocarro, Trưởng đại diện vùng Đông Ấn của Bồ Đào Nha, ở Đàng Trong lúc nào cũng có thể kiếm được thuyền đi nơi khác.

### ĐÀNG NGOÀI

Hoạt động thương mại ở Đàng Ngoài vào thế kỷ XVII rất sôi nổi, với sự hình thành các luồng buôn bán nội địa tập nập. Không ít các làng nghề thủ công truyền thống đã chuyển mình trở thành trung tâm mậu dịch của cả vùng, đơn cử như làng Phù Lưu (Bắc Ninh) chuyên kinh doanh mặt hàng the lụa, làng Đa Nương (Hưng Yên) chuyên buôn thuốc bắc.

Chính quyền Đàng Ngoài tỏ thiện chí mong muốn thiết lập quan hệ với các thương nhân ngoại quốc. Trừ phi có vấn đề lo ngại về an ninh, chúa Trịnh sẵn sàng cho phép họ vào kinh đô buôn bán tự do, từ đó tạo điều kiện hình thành hệ thống thương mại theo trục “sông Đàng Ngoài” (sông Thái Bình và một phần sông Hồng, theo cách gọi của người phương Tây). Các cảng thị thu hút nhiều khách thương ngoại quốc nhất ở Đàng Ngoài là Đông Kinh và Phố Hiến. Chính quyền Đàng Ngoài trực tiếp nắm quyền kiểm soát ngoại thương, độc quyền xuất khẩu những sản vật quý giá như trầm hương, tơ lụa, ngà voi, quế.

Một số mặt hàng nhập khẩu đặc biệt như vũ khí, diêm tiêu, vàng, mã não cũng do nhà nước quản lý, không được phép mua bán rộng rãi trong dân chúng. Hàng hóa phải được chính quyền kiểm tra, xét duyệt trước khi đưa ra thị trường.

Ở Đàng Ngoài, nền sản xuất hàng hóa vốn đã tương đối quy mô từ trước. Nhiều sản phẩm ở Đàng Ngoài được thương khách quốc tế ưa chuộng, đáng kể nhất là tơ lụa và gốm sứ. Chất lượng sản phẩm tơ lụa của Đàng Ngoài được các lái buôn đánh giá không hề kém cạnh tơ lụa Trung Quốc. Các sản phẩm gốm sứ nổi tiếng của Bát Tràng (Hà Nội), Thổ Hà (Bắc Giang) đã tìm được đường đến với thị trường Nhật Bản.

Những vị khách đến buôn bán ở Đàng Ngoài mang nhiều quốc tịch khác nhau. Các thương nhân Bồ Đào Nha, sau thời gian tiếp cận thị trường Đàng Trong, đã mở rộng hoạt động ra Đàng Ngoài, nhưng chỉ mang tính chất cá nhân chứ không đại diện công ty, không lập thương điểm. Các mặt hàng buôn bán không khác biệt mấy, có giá trị nhất vẫn là tơ lụa, trầm hương, bạc nén, vàng. Công ty Đông Ấn Hà Lan cũng được tự do buôn bán, lập thương điểm đầu tiên ở Phố Hiến (1637), rồi đến Đông Kinh (1644).

Ở Đàng Ngoài còn có sự xuất hiện của các thương nhân người Anh từ năm 1672. Những người này chủ yếu thu mua tơ lụa, tơ sồng, xạ hương, đồ sơn mài. Họ cũng từng đặt mua hàng chục vạn bộ đồ gốm Bát Tràng để bán sang nước khác. Thương điểm của Anh được đặt ở Phố Hiến từ năm 1673, sau chuyển lên Đông Kinh, đến năm 1697 thì đóng cửa. Người Pháp cũng đặt thương điểm ở Phố Hiến năm 1680 – 1682, nhưng nhìn chung họ chú trọng đến vấn đề truyền giáo nhiều hơn là buôn bán hàng hóa.

Không chỉ cho người ngoại quốc vào giao thương buôn bán, theo ghi chép của giáo sĩ Alexandre de Rhodes, chúa Trịnh mỗi năm còn gửi tàu buôn đến Xiêm La và Chân Lạp. Trong du ký của mình, nhà buôn J.B. Tavernier cho biết ông đã gặp gỡ và tiếp xúc với nhiều thương nhân người Việt đến từ Đàng Ngoài tại Batavia, Bantam (Indonesia).



▲ Bức tranh *Thức kiến Quan Âm tượng* được chúa Nguyễn trao tặng cho thương nhân đồng họ Chaya.

### VỀ SAU

Nhiều trung tâm kinh tế ở Đàng Trong và Đàng Ngoài dần suy tàn và biến mất vào cuối thế kỷ XVIII.

#### ■ Ngoại thương lụi tàn

Sau khi kết thúc nội chiến Đàng Trong – Đàng Ngoài (1672), việc chăm lo quân sự không còn cấp bách, các chúa dần thờ ơ với các thương nhân phương Tây. Các chính sách thuế tùy tiện đánh lên thuyền buôn phương Tây và lòng tham của quan lại bản xứ khiến các thương nhân phương Tây không còn muốn trở lại buôn bán tại Đại Việt.

### « TRƯỚC ĐÓ

Nông nghiệp là lĩnh vực kinh tế chủ đạo, luôn được các triều đại quan tâm và chú trọng.

#### ■ Kinh tế nông nghiệp nặng tính tự cung tự cấp

Đại Việt từ thế kỷ X đến thế kỷ XVI chủ yếu lấy kinh tế nông nghiệp làm nền tảng cho sự ổn định và phát triển của quốc gia. Trong giai đoạn này, hoạt động trao đổi, buôn bán với nước ngoài vẫn diễn ra nhưng còn khá hạn chế. Ngay trong thời kỳ kinh tế phồn thịnh như ở thời Lý – Trần, việc trao đổi hàng hóa cũng chỉ được thực hiện ở một vài bạc dịch trường, nơi buôn bán ở biên giới và cảng biển với một số nước láng giềng gần gũi trong khu vực như Trung Quốc, Xiêm La, Mã Lai,... Nền kinh tế trong giai đoạn này chủ yếu vẫn là nền kinh tế nông nghiệp nặng tính tự cung tự cấp.

▼ Tiền Thiên Minh thông bảo thời Vũ vương Nguyễn Phúc Khoát.



## CỔ KHÍ MINH MẠNG VÀ PHÁP LAM TRIỀU NGUYỄN

Cổ khí Minh Mạng là các loại đồ đựng bằng đồng dùng cho việc tế lễ, phỏng theo các vật dụng thời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu) bên Trung Quốc. Trên những cổ khí này, vua Minh Mạng cho khắc minh văn thể hiện tư tưởng tề gia, trị quốc, bình thiên hạ của ông. Pháp lam là tên gọi chỉ những sản phẩm có cốt bằng đồng, được du nhập vào Huế qua ngã Quảng Đông (Trung Quốc), trên bề mặt vẽ trang trí bằng men nhiều màu sau đó đem đi nung. Cổ khí Minh Mạng và pháp lam là những hiện vật rất đặc trưng của triều đại nhà Nguyễn.



◀ ĐÌNH, PHỎNG "ĐÌNH UNG CÔNG GIÁM NHÀ CHU"  
Đồng  
Thế kỷ XIX (1839)  
Hiện vật BTLSTPHCM



▲ ĐÌNH, PHỎNG "ĐÌNH TỬ PHỤ CỬ NHÀ CHU"  
Đồng  
Thế kỷ XIX (1839)  
Hiện vật BTLSTPHCM



◀ CỐC, PHỎNG "CỐC TỬ ẤT NHÀ CHU"  
Đồng  
Thế kỷ XIX (1839)  
Hiện vật BTLSTPHCM



▶ ĐÌNH, PHỎNG "ĐÌNH VĂN VƯƠNG NHÀ CHU"  
Đồng  
Thế kỷ XIX (1839)  
Hiện vật BTLSTPHCM



▲ LIỄN, PHỎNG "LIỄN NGŨ NHÀ CHU"  
Đồng  
Thế kỷ XIX (1839)  
Hiện vật BTLSTPHCM



◀ ĐĨA TRANG TRÍ RỒNG  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật BTLSTPHCM

▶ ỒNG CẨM NÉN  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật trưng bày chuyên đề tại BTLSTPHCM



▲ ĐÀI THỜ CÓ NẮP  
Đồng pháp lam  
Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX  
Hiện vật BTLSTPHCM

▶ ĐÀI THỜ CÓ NẮP  
Đồng pháp lam  
Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX  
Hiện vật BTLSTPHCM



▶ KHAY  
Đồng pháp lam  
Cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX  
Hiện vật BTLSTPHCM



◀ ĐĨA TRANG TRÍ RỒNG  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật BTLSTPHCM



▲ KHAY  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật BTLSTPHCM

◀ ẤM CÓ NẮP  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật trưng bày chuyên đề tại BTLSTPHCM



▲ CHÉN CÓ NẮP  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật BTLSTPHCM

◀ CHẬU  
Đồng pháp lam  
Thế kỷ XIX  
Hiện vật BTLSTPHCM



▲ Giờ vẽ hình họa người mẫu tại Trường Vẽ Gia Định, ảnh chụp đầu thế kỷ XX.

## DU NHẬP HỘI HỌA PHƯƠNG TÂY

Vào thời Pháp thuộc, với sự du nhập của hội họa phương Tây, nền hội họa Việt Nam có những bước tiến dài, chỉ trên dưới 50 năm đã mang một tầm vóc mới, hoàn toàn khác với mỹ thuật cổ truyền.

Vào khoảng đầu thế kỷ XX, người Pháp thành lập tại Việt Nam nhiều trường học với mục tiêu đào tạo lớp người kế thừa trong bộ máy cai trị thuộc địa và truyền bá tư tưởng Pháp quốc cho tầng lớp trí thức Tây học. Hệ thống giáo dục ở Đông Dương được tổ chức một cách có quy phạm với các trường gồm nhiều cấp học từ tiểu học đến tú tài (tương đương từ tiểu học đến trung học phổ thông ngày nay). Hệ thống giáo dục chuyên nghiệp cũng được người Pháp chú trọng, đặc biệt là các trường dạy nghề có đào tạo các bộ môn mỹ thuật (vẽ, nặn,...) hay thủ công mỹ nghệ (son mài, khảm, chạm, đúc, gôm,...), ví dụ như Trường nghề Hà Nội (1898), Trường Mỹ nghệ bản xứ Thủ Dầu Một (1901), Trường Dạy nghề Biên Hòa (1903), Trường Vẽ Gia Định (1913). Sự ra đời của Trường Vẽ Gia Định đánh dấu cột mốc lần đầu tiên học sinh, sinh viên Việt Nam được tiếp xúc với hội họa phương Tây một cách có hệ thống và khoa học, thay cho lối dạy truyền nghề. Đến năm 1924, một ngôi trường có quy mô ở bậc đại học, đào tạo bài bản về hội họa ra đời – đó là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, do họa sĩ Pháp Victor Tardieu nhận trách nhiệm thành lập với mục đích ban đầu là đào tạo nghệ sĩ, giáo sư hai ngành Hội họa (bao gồm cả điêu khắc và trang trí) và Kiến trúc. Tháng 11 năm 1925, trường chính thức tuyển sinh và khai giảng khóa đầu. Có thể nói đây là cái nôi ươm mầm cho nền hội họa Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc đạt đến đỉnh cao, cũng là đầu tàu của một cuộc cách mạng về thẩm mỹ và nghệ thuật ứng dụng tại Việt Nam trong suốt thế kỷ XX và vẫn còn nhiều ảnh hưởng cho đến ngày nay.

### TRƯỜNG CAO ĐẲNG MỸ THUẬT ĐÔNG DƯƠNG

Chương trình đào tạo của trường kéo dài năm năm. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, trường tổ chức thi sát hạch đầu vào khá nghiêm ngặt với quy mô toàn Đông Dương. Đội ngũ giáo viên của trường đều là các họa sĩ tài năng người Pháp hoặc người Việt, các chuyên gia và học giả có trình độ của Đại học Đông Dương hoặc của các cơ quan nghiên cứu, giáo dục uy tín tại thuộc địa như Trường Viễn Đông Bác Cổ, Trường Y Dược. Có thể kể ra một số tên tuổi như: giáo sư hiệu trưởng Victor Tardieu, giáo sư cơ thể học Ferdinand de Fénis de Lacombe, giảng viên lịch sử nghệ thuật Victor Goloubew, họa sĩ Joseph Inguimberty, nhà điêu khắc Évariste Jonchère, nữ họa sĩ Alix Aymé, họa sĩ Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ,... Bên cạnh đó, hằng năm trường cũng có các họa sĩ hay điêu khắc gia tài năng đến từ nước Pháp – những người đoạt Giải thưởng Đông Dương – tham gia giảng dạy. Từ năm 1938, trường phát triển mạnh cả hướng mỹ thuật ứng dụng, thể hiện qua việc cải tổ cơ cấu và do đó đổi tên thành Trường Mỹ thuật và Nghệ thuật ứng dụng. Những họa sĩ nổi tiếng xuất thân từ ngôi trường này thường được nhắc tên là Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ, Lê Phổ, Mai Trung Thứ, Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Nguyễn Tường Lân, Lê Văn Đệ, Lê Thị Lựu, Trần Văn Cẩn, Nguyễn Gia Trí, Nguyễn Tư Nghiêm, Nguyễn Sáng, Lương Xuân Nhị,... Mỗi người đều tạo nên dấu ấn và phong cách riêng của mình.

“Trong nghệ thuật sử nước ta, Trường ấy [Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương] có cái địa vị rất trọng yếu là làm trung tâm điểm cho một cuộc cải tạo lớn.”

VỀ-THẠCH ĐÀO-DUY-ANH, VIỆT-NAM VĂN-HÓA SỬ-CƯƠNG, NXB. ĐẠI HỌC SƯ PHẠM, HÀ NỘI, 2022, TRANG 286

### NHỮNG DÒNG TRANH MỚI

Trước khi Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ra đời, khoảng cuối thế kỷ XIX, các họa sĩ hải quân người Pháp đã đặt chân đến Đông Dương để vẽ tranh trong những chuyến du hành qua các thuộc địa, với người đầu tiên là họa sĩ Gaston Rouillet. Việt Nam cũng có một số người sang học tập mỹ thuật tại Pháp, đó là tiền đề để những chất liệu và phong cách của nền hội họa châu Âu du nhập vào Việt Nam. Cùng với những bước chân viễn du này là việc tiếp nhận dòng tranh sơn dầu rất phổ biến tại phương Tây vào nền mỹ thuật Việt Nam.

Ngoài du nhập chất liệu ngoại, các thầy trò Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương còn thử nghiệm chất liệu về mới dựa trên nền tảng sơn ta cổ truyền, tạo nên dòng tranh sơn mài thuần túy Đông phương. Trước đây, sơn ta đã được sử dụng phổ biến từ thời Lý – Trần nhưng chủ yếu cho mục đích trang trí các công trình kiến trúc và đồ mỹ nghệ. Ngay từ năm 1924, khi xây dựng chương trình giảng dạy tổng quát cho Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương, hiệu trưởng Victor Tardieu đã đưa vào môn Thực hành sơn mài. Các họa sĩ Pháp Joseph Inguimberty và Alix Aymé đã cùng các sinh viên Việt Nam cố công tìm tòi, dùng sơn ta làm chất liệu chính vẽ nên những bức tranh sơn mài thực sự độc đáo, đưa dòng tranh này phát triển đến cực thịnh vào những năm 1938 – 1944. Các họa sĩ đã khéo léo sử dụng chất liệu vỏ trai, vỏ trứng, sơn, vàng thếp phối hợp với sơn ta và hoàn thiện kỹ thuật mài để cho ra đời những bức tranh sơn mài nhiều lớp ẩn tượng. Quá trình sáng tác một bức tranh sơn mài thường trải qua nhiều công đoạn và kéo dài rất lâu, có thể từ ba tháng đến một năm.



Họa sĩ hiệu trưởng Victor Tardieu cũng khuyến khích các sinh viên của mình tìm tòi phát triển dòng tranh lụa mang đậm tinh thần Việt, thoát khỏi ảnh hưởng của tranh lụa Trung Hoa. Các họa sĩ như Nam Sơn Nguyễn Văn Thọ, Nguyễn Phan Chánh, Nguyễn Tường Lân, Tô Ngọc Vân, Trần Bình Lộc, Trần Văn Cẩn, Lưu Văn Sơn, Lương Xuân Nhị, Trịnh Hữu Ngọc, Nguyễn Tiến Chung,... là những người tiên phong gây dựng nên nghệ thuật tranh lụa Việt Nam hiện đại được người châu Âu đón nhận và đánh giá cao.

### HỘI HỌA ĐÔNG – TÂY GIAO THOA

Dấu ấn mỹ thuật Việt không chỉ được tạo nên từ chất liệu mà còn từ phong cách sáng tác riêng biệt của mỗi họa sĩ – linh hồn và chủ thể của hội họa. Đa phần các họa sĩ thành danh thời kỳ này đều xuất thân từ Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương. Mặc dù là ngôi trường do người Pháp điều hành nhưng không chỉ dạy những gì thuộc nền hội họa Pháp mà vẫn uyển chuyển, linh động kết hợp với nghệ thuật truyền thống bản xứ. Vì vậy mà các dòng tranh lụa, tranh sơn mài, khắc gỗ đồng thời tồn tại cùng mảng tranh sơn dầu phương Tây. Nhờ đó, sự kết hợp và giao hòa Đông – Tây đã được thể hiện trong phong cách của nhiều họa sĩ. Trong tác phẩm của họa sĩ Nguyễn Phan Chánh, sự giao hòa được bộc lộ trong phương pháp tạo hình phương Tây trên nền tranh lụa đậm nét Á Đông. Họa sĩ Tô Ngọc Vân dù sử dụng chất liệu sơn dầu châu Âu nhưng tranh ông luôn có nét nền nã trong dáng điệu của các thiếu nữ Việt, với màu sắc nhẹ nhàng, tinh tế. Riêng họa sĩ Nguyễn Gia Trí, người được mệnh danh là “cha đẻ của những bức tranh sơn mài tân thời của Việt Nam”, đã nỗ lực phát triển dòng tranh sơn mài với các chất liệu từ thiên nhiên để tạo nên các tác phẩm có vẻ đẹp lung lẫy và bí ẩn. Ở mảng mỹ thuật ứng dụng, các mẫu thiết kế tem bưu chính của Nguyễn Phan Chánh, Tô Ngọc Vân, Tôn Thất Sa, Bùi Trang Chước...; những bộ tranh áp phích quảng bá du lịch Đông Dương của Tô Ngọc Vân, Lê Phổ, Mai Trung Thứ hay hàng loạt thiết kế bia sách, tạp chí của Nguyễn Đỗ Cung, Lương Xuân Nhị, Trịnh Hữu Ngọc, Mạnh Quỳnh,... cũng là những điểm sáng của đồ họa thời kỳ này. Và cứ thế, nền mỹ thuật Việt Nam thời Pháp thuộc được phát triển theo xu hướng tiệm cận với hội họa phương Tây nhưng vẫn mang nét Việt qua nhiều phương cách biểu hiện khác nhau của từng nghệ sĩ.

### TÔ NGỌC VÂN (1906 – 1954)

Tô Ngọc Vân là một trong những họa sĩ thuộc thế hệ tốt nghiệp đầu tiên tại Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương và sau còn tham gia giảng dạy tại đây. Ông có công trong việc phổ biến dòng tranh sơn dầu tại Việt Nam. Tranh của ông chủ yếu lột tả vẻ đẹp người phụ nữ Việt một cách nhẹ nhàng, thanh thoát và đầy ý nhị như các bức *Thiếu nữ bên hoa huệ*, *Thiếu nữ bên hoa sen*, *Hai thiếu nữ và em bé*... Ông còn tham gia vào dòng tranh cách mạng với các ký họa *Lão du kích*, *Nghị chân bên đống*... Với tài năng nghệ thuật và kính nghiêm sự phạm nổi bật, ông đã được cử làm Hiệu trưởng đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Việt Nam vào năm 1945, tiền thân là Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương.

▼ Bức *Hai thiếu nữ và em bé*. BV GG



### VỀ SAU

Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương ngừng hoạt động vào năm 1945. Tuy nhiên, nền hội họa Việt Nam không những không tàn lụi mà lại chuyển biến theo xu hướng mới.

■ **Hội họa mang xu hướng cách mạng**  
Xu hướng này được thể hiện rõ trong đề tài sáng tác của các họa sĩ như cảnh sinh hoạt, chiến đấu với nhiều tác phẩm có giá trị mỹ thuật cao như *Kết nạp Đảng* (Nguyễn Sáng), *Bác Hồ với ba cháu thiếu nhi Trung Nam Bắc* (Diệp Minh Châu), *Du kích tập bắn* (Nguyễn Đỗ Cung), *Bình minh trên nông trang* (Nguyễn Đức Nùng). Ngoài các dòng tranh có với đề tài mới thì dòng tranh cổ động và ký họa chiến trường cũng nở rộ vào thời gian này.

◀ Triển lãm đầu tiên của Trường Cao đẳng Mỹ thuật Đông Dương tại Hà Nội, 1929.

### TRƯỚC ĐÓ

Khoảng thế kỷ XVII, hội họa Việt Nam tách khỏi điêu khắc và kiến trúc, thoát khỏi chức năng trang trí để trở thành một chủ thể riêng với những thành tựu độc đáo, đặc biệt là qua dòng tranh dân gian.

#### ■ Tranh dân gian

Tranh dân gian Việt Nam có hai dòng chủ yếu là tranh Tết và tranh thờ. Thành tựu của tranh dân gian được thể hiện qua sự nở rộ của các dòng tranh như Đông Hồ, Hàng Trống, Kim Hoàng, Làng Sình,... Nội dung tranh gắn gũi, phản ánh cuộc sống hằng ngày, giấy vẽ và màu được tìm tòi và tận dụng từ thiên nhiên. Dòng tranh dân gian thời kỳ này chú trọng bố cục sao cho sống động và ẩn tượng, không tuân theo các nguyên tắc vẽ xa gần, điểm nhìn.